

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MAI SƠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43/NQ-HĐND

Mai Sơn, ngày 20 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn năm 2019 (lần 4)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN
KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30/01/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về hướng dẫn một số hoạt động của HĐND; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Quyết định số 3289/QĐ-UBND ngày 08/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2019;

Thực hiện Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án thu hồi và giao bổ sung có mục tiêu kinh phí thực hiện chế độ, chính sách trong lĩnh vực giáo dục cho ngân sách các huyện năm 2019; Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện năm 2019, hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng theo Nghị quyết số 92/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí đầu tư dây truyền sơ chế, đóng gói sản phẩm quả để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu;

Xét đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 470/TTr-UBND ngày 02/12/2019 và Tờ trình số 495/TTr-UBND ngày 12/12/2019; Báo cáo thẩm tra số 58/BC-KTXH ngày 13/12/2019 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và thảo luận tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn năm 2019 (lần 4) với tổng số tiền: **8.747.431.000 đồng** (Tám tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi một nghìn đồng), cụ thể như sau:

1. Nguồn kinh phí tỉnh cấp bổ sung, số tiền: **2.404.353.000 đồng** (Hai tỷ bốn trăm linh tư triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng).

1.1. Kinh phí hỗ trợ đầu tư dây chuyền sơ chế, đóng gói sản phẩm quả để tiêu

thụ trong nước và xuất khẩu, số tiền: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

Nguồn kinh phí: Tại Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh.

1.2. Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách trong lĩnh vực giáo dục năm 2019, số tiền: 1.888.353.000 đồng (*Một tỷ tám trăm tám mươi tám triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng*)

Nguồn kinh phí: Tại Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh.

1.3. Kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng theo Nghị quyết số 92/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, số tiền: 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*)

Nguồn kinh phí: Tại Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh.

2. Kinh phí đảm bảo xã hội năm 2019, số tiền: 1.646.288.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng*)

1.1. Kinh phí hỗ trợ cho các thành viên tham gia hội đồng hợp xét đưa người nghiện ma túy vào cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện công lập (*6 tháng cuối năm*), số tiền: 20.240.000 đồng.

1.2. Kinh phí hỗ trợ tiền điện tăng thêm 9 tháng năm 2019; tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách năm 2019 (lần 2), số tiền: 1.626.048.000 đồng.

(Có phụ lục số 01 kèm theo)

3. Nguồn kết dư ngân sách năm 2018, số tiền: 4.696.790.000 đồng (*Bốn tỷ sáu trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*).

3.1. Kinh phí hỗ trợ làm nhà văn hóa cho các xã năm 2019; cấp điện, cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân, số tiền: 2.668.790.000 đồng (*Hai tỷ sáu trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*)

(Có phụ lục số 02 kèm theo)

3.2. Kinh phí đầu tư xây dựng Công trình trường TH-THCS Hoàng Văn Thụ, xã Chiềng Mung và Công trình trường TH-THCS Tô Hiệu, thị trấn Hát Lót, số tiền 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*).

(Có phụ lục số 03 kèm theo)

3.3. Kinh phí hỗ trợ khen thưởng các hộ dân trong việc thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, số tiền: 628.000.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi tám triệu đồng*)

(Có phụ lục số 04 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện triển khai, thực hiện Nghị quyết đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND huyện, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khoá XX, kỳ họp thứ mười thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Thường trực Huyện uỷ; HĐND; UBND huyện;
- Thường trực UBNDTTQVN huyện;
- Các vị Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể của huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Thường trực Đảng uỷ, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, (K01).

CHỦ TỊCH



Lê Đình Châu

PHỤ LỤC

TỔNG HỢP KINH PHÍ PHÂN BỐ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN (LẦN 4)

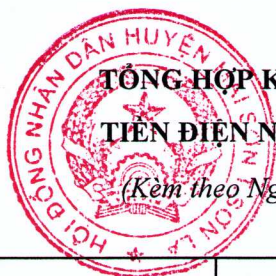


(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 của HĐND huyện Mai Sơn)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số tiền	Đảm bảo xã hội	Kết dư ngân sách năm 2018	UBND tỉnh cấp bổ sung	Ghi chú
	Tổng cộng	8.747.431	1.646.288	4.696.790	2.404.353	
1	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	500.000	-	-	500.000	
	Kinh phí đầu tư dây chuyền sơ chế, đóng gói sản phẩm quả để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu	500.000			500.000	
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1.888.353	-	-	1.888.353	
	Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách trong lĩnh vực giáo dục năm 2019	1.888.353			1.888.353	
3	Huyện Đoàn	16.000	-	-	16.000	
	Kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng theo Nghị quyết 92/2014/NQ-HĐND	16.000			16.000	
4	Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn	20.240	20.240	-	-	
	Kinh phí hỗ trợ cho các thành viên tham gia hội đồng xét đưa người nghiện ma túy vào cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện công lập (6 tháng cuối năm)	20.240	20.240			
5	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Tái định cư	1.400.000	-	1.400.000	-	Chi tiết tại phụ lục 03
5.1	Công trình trường TH-THCS Hoàng Văn Thụ, xã Chiềng Mung, hạng mục: Xây dựng mới nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, sân, cổng, đường bê tông, nhà vệ sinh 6 gian; Cải tạo sửa chữa nhà chức năng, bục sân khấu và một số hạng mục phụ trợ khác	700.000		700.000		
5.2	Công trình trường TH-THCS Tô Hiệu thị trấn Hát Lót, hạng mục: Xây dựng mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và hệ thống phòng cháy, chữa cháy	700.000		700.000		
6	Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách năm 2019	1.626.048	1.626.048	-	-	Chi tiết tại phụ lục 01
6.1	Xã Chiềng Ban	2.700	2.700			
6.2	Xã Nà Bó	9.576	9.576			
6.3	Xã Chiềng Ve	9.756	9.756			
6.4	Xã Chiềng Lương	18.252	18.252			
6.5	Xã Cò Nòi	8.244	8.244			
6.6	Xã Phiêng Cầm	34.020	34.020			

STT	Nội dung	Tổng số tiền	Đảm bảo xã hội	Kết dư ngân sách năm 2018	UBND tỉnh cấp bổ sung	Ghi chú
6.7	Xã Chiềng Đông	11.160	11.160			
6.8	Xã Chiềng Mung	9.432	9.432			
6.9	Xã Chiềng Sung	5.220	5.220			
6.10	Thị trấn Hát Lót	2.340	2.340			
6.11	Xã Mường Bon	3.132	3.132			
6.12	Xã Hát Lót	3.276	3.276			
6.13	Xã Nà Ót	17.460	17.460			
6.14	Xã Chiềng Chăn	6.300	6.300			
6.15	Xã Mường Chanh	1.908	1.908			
6.16	Xã Chiềng Mai	13.824	13.824			
6.17	Xã Tà Hộc	14.472	14.472			
6.18	Xã Mường Bằng	7.992	7.992			
6.19	Xã Chiềng Chung	96.552	96.552			
6.20	Xã Chiềng Nọi	589.680	589.680			
6.21	Xã Phiêng Pàn	581.256	581.256			
6.22	Xã Chiềng Kheo	179.496	179.496			
7	Kinh phí hỗ trợ làm nhà văn hóa cho các xã năm 2019; cấp điện, cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân	2.668.790	-	2.668.790		Chi tiết tại phụ lục 02
7.1	Xã Chiềng Ban	200.000		200.000		
7.2	Xã Chiềng Sung	620.000		620.000		
7.3	Xã Nà Ót	300.000		300.000		
7.4	Xã Chiềng Lương	300.000		300.000		
7.5	Xã Mường Bằng	300.000		300.000		
7.6	Xã Chiềng Chung	300.000		300.000		
7.7	Xã Chiềng Chăn	300.000		300.000		
7.8	Cấp điện sinh hoạt bản Pá Cu, xã Chiềng Sung	298.800		298.800		
7.9	Khắc phục công trình cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư xen ghép tiểu khu 13, thị trấn Hát Lót	49.990		49.990		
8	Hỗ trợ kinh phí khen thưởng các hộ dân trong việc thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	628.000		628.000		Chi tiết tại phụ lục 04
8.1	Xã Chiềng Sung	147.400		147.400		
8.2	Xã Cò Nòi	480.600		480.600		



PHỤ LỤC 01

TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN TĂNG THÊM 9 THÁNG NĂM 2019; TIỀN ĐIỆN NĂM 2019 CHO HỘ NGHÈO VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI (LẦN 2)

(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 của HĐND huyện Mai Sơn)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Diễn giải	Mã đơn vị QHNS	Tổng số hộ được hỗ trợ	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
					Tiền điện năm 2019	Tiền điện tăng thêm 9 tháng	
1	Xã Chiềng Ban	1074318	75	2.700.000		2.700	
2	Xã Nà Bó	1091044	266	9.576.000		9.576	
3	Xã Chiềng Ve	1005982	271	9.756.000		9.756	
4	Xã Chiềng Lương	1005994	507	18.252.000		18.252	
5	Xã Cò Nòi	1074558	229	8.244.000		8.244	
6	Xã Phiêng Cầm	1074548	945	34.020.000		34.020	
7	Xã Chiềng Dong	1005987	310	11.160.000		11.160	
8	Xã Chiềng Mung	1074310	262	9.432.000		9.432	
9	Xã Chiềng Sung	1068636	145	5.220.000		5.220	
10	Thị trấn Hát Lót	1068635	65	2.340.000		2.340	
11	Xã Mường Bon	1074311	87	3.132.000		3.132	
12	Xã Hát Lót	1047315	91	3.276.000		3.276	
13	Xã Nà Ót	1074074	485	17.460.000		17.460	
14	Xã Chiềng Chăn	1068629	175	6.300.000		6.300	
15	Xã Mường Chanh	1074317	53	1.908.000		1.908	
16	Xã Chiềng Mai	1074313	384	13.824.000		13.824	
17	Xã Tà Hộc	1074075	402	14.472.000		14.472	
18	Xã Mường Bằng	1068637	222	7.992.000		7.992	
19	Xã Chiềng Chung	1074312	149	96.552.000	91.188	5.364	
20	Xã Chiềng Nọi	1074547	910	589.680.000	556.920	32.760	
21	Xã Phiêng Pần	1004073	897	581.256.000	548.964	32.292	
22	Xã Chiềng Kheo	1005988	277	179.496.000	169.524	9.972	
	Tổng số		7.207	1.626.048.000	1.366.596	259.452	

PHỤ LỤC 02

Kinh phí hỗ trợ làm nhà văn hóa cho các xã năm 2019; cấp điện, cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân

(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 của HĐND huyện Mai Sơn)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Địa điểm XD	Năng lực TK	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt BCKTKT; Dự toán				Kế hoạch vốn phân bổ đợt này	Ghi chú
						Số QĐ- ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
							Tổng	Nhà nước hỗ trợ	Nhân dân đóng góp		
1	Nhà văn hóa hợp tác xã 2, xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn	UBND xã Chiềng Ban	Hợp tác xã 2, xã Chiềng Ban	Nhà 1 tầng diện tích xây dựng Sxd=213m ²	2019	471 - 8/4/2019	606.508,0	200.000,0	406.508,0	200.000,0	
2	Nhà văn hóa bản Nong Sơn, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn	UBND xã Chiềng Sung	Bản Nong Sơn, xã Chiềng Sung	Nhà 1 tầng diện tích xây dựng Sxd=200m ²	2019	868 - 22/5/2019	609.103,0	200.000,0	409.103,0	200.000,0	
3	Nhà văn hóa bản Cao Sơn, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn	UBND xã Chiềng Sung	Bản Cao Sơn, xã Chiềng Sung	Nhà 1 tầng diện tích xây dựng Sxd=170m ²	2019	867 - 22/5/2019	535.336,0	200.000,0	335.336,0	200.000,0	
4	Nhà văn hóa bản Nà Ốt, xã Nà Ốt, huyện Mai Sơn	UBND xã Nà Ốt	Bản Nà Ốt, xã Nà Ốt	Nhà 1 tầng diện tích xây dựng Sxd=198m ²	2019	604 - 17/4/2019	557.584,0	300.000,0	257.584,0	300.000,0	
5	Nhà văn hóa bản Oi, xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn	UBND xã Chiềng Lương	Bản Oi, xã Chiềng Lương	Nhà 1 tầng diện tích xây dựng Sxd=267m ²	2019	1163 - 26/6/2019	549.871,0	300.000,0	249.871,0	300.000,0	
6	Nhà văn hóa bản Liêng, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn	UBND xã Mường Bằng	Bản Liêng, xã Mường Bằng	Nhà 1 tầng diện tích xây dựng Sxd=267m ²	2019	603 - 17/4/2019	766.902,0	300.000,0	466.902,0	300.000,0	
7	Nhà văn hóa bản Nà Men, xã Chiềng Chung, huyện Mai Sơn	UBND xã Chiềng Chung	Bản Nà Men, xã Chiềng Chung	Nhà 1 tầng diện tích xây dựng Sxd=198m ²	2019	605 - 17/4/2019	553.151,0	300.000,0	253.151,0	300.000,0	
8	Nhà văn hóa bản Sy, xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn	UBND xã Chiềng Chăn	Bản Sy, xã Chiềng Chăn	Nhà 1 tầng diện tích xây dựng Sxd=198m ²	2019	472 - 8/4/2019	587.076,0	300.000,0	287.076,0	300.000,0	
9	Cấp điện sinh hoạt bản Pá Cu, xã Chiềng Sung	UBND xã Chiềng Sung	Bản Pá Cu, xã Chiềng Sung	Xây dựng mới tuyến đường dây 0,4kV. Chiều dài tuyến đường dây 1.200m.	2019	2303 - 4/11/2019	447.254,3	298.827,5	148.426,7	298.800,0	
10	Nhà văn hóa xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn. Hạng mục: Sân + đường vào + nhà vệ sinh	UBND xã Chiềng Sung	Xã Chiềng Sung	Sân bê tông 400m ² ; đường vào dài L=50m; nhà vệ sinh 16,5m ²	2019	2248 - 1/11/2019	244.987,0	220.000,0	24.987,0	220.000,0	
11	Khắc phục công trình cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư xen ghép tiểu khu 13, thị trấn Hát Lót	UBND thị trấn Hát Lót	Tiểu khu 13, thị trấn Hát Lót	Cấp nước sinh hoạt cho 17 hộ dân TĐC xen ghép tiểu khu 13, thị trấn Hát Lót	2019	2059 - 17/10/2019	65.515,0	49.993,0	15.522,0	49.990,0	
Tổng cộng							5.523.287,3	2.668.820,5	2.854.466,7	2.668.790,0	



PHỤ LỤC SỐ 03

BIỂU PHÂN BỐ KINH PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TRƯỜNG TH-THCS TÔ HIỆU, TRƯỜNG TH-THCS HOÀNG VĂN THỤ

(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Theo Thông báo của Ban Thường vụ Huyện ủy		Kế hoạch vốn phân bổ đợt này (Kết dư ngân sách huyện năm 2018)	Ghi chú
						Số TB- ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư		
	Tổng số					-	13.335.000	1.400.000	
1	Công trình trường TH-THCS Hoàng Văn Thụ, xã Chiềng Mung	Ban QLDA ĐTXD	Xã Chiềng Mung	Xây dựng mới nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, sân, cổng, đường bê tông, nhà vệ sinh 6 gian; Cải tạo sửa chữa nhà chức năng, bục sân khấu và một số hạng mục phụ trợ khác	2019-2020	Thông báo số 2457-TB/HU	6.500.000	700.000	Công tác chuẩn bị đầu tư
2	Công trình trường TH-THCS Tô Hiệu, xã thị trấn Hát Lót	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn Hát Lót	Xây dựng mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và hệ thống phòng cháy, chữa cháy	2019-2020	Thông báo số 2456-TB/HU	6.835.000	700.000	Công tác chuẩn bị đầu tư

PHỤ LỤC 04

Kinh phí hỗ trợ khen thưởng các hộ dân trong việc thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 của HĐND huyện Mai Sơn)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Tên xã	Số hộ	Số tiền/hộ	Kế hoạch vốn phân bổ đợt này	Ghi chú
1	Xã Cò Nòi	4.806	100	480.600	
2	Xã Chiềng Sung	1.474	100	147.400	
Tổng cộng				628.000,0	